

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BND TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 83/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2019

Số: 121/CP

Ngày: 13/11/2019

Quyển: 873

Hồ Sơ Số:

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai**

1. Khoản 1, khoản 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“1. Quỹ phòng, chống thiên tai là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được thành lập ở cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

2. Cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai là cơ quan quản lý Quỹ; sử dụng bộ máy của mình để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, có con dấu và được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, tổ chức hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.”

2. Điểm g khoản 1 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên thuộc hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có).”

3. Khoản 6 Điều 8 được sửa đổi như sau:

“6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan; Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ.”

4. Khoản 1 khoản 2 Điều 9 được sửa đổi bổ sung như sau:

“1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai và các hoạt động sau đây:

a) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình.

b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở



các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thu.”

5. Bổ sung Điều 9a sau Điều 9 như sau:

**“Điều 9a. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh**

1. Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ phòng, chống thiên tai nhưng tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ở cấp của mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ, bao gồm cả phần kinh phí giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.”

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.”

7. Bổ sung khoản 3 vào Điều 11 như sau:

“3. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

**Điều 2.** Thay đổi cụm từ “tổ chức kinh tế hạch toán độc lập” thành cụm từ “tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn” tại khoản 1 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6; khoản 1, khoản 4 Điều 8 và Điều 15 của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

#### Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

##### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc